TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2020/DSST
Ngày: 23-9-2020
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Hồ Chí Cường;**
Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2020/TLST-DS, ngày 18-5-2020, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-DS, ngày 27-8-2020; Thông báo về việc dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 08-9-2020; giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L: Luật sư Nguyễn Tấn L1 - thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Bị đơn có yêu cầu phản tố: Chị Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-5-2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/10/2019, chị L và chị N có thỏa thuận chị L mua của chị N diện tích đất để cất nhà ở, tọa lạc tại ấp M, xã N, lúc mua bán chị L không biết số thửa, số tờ bản đồ, chỉ biết đất là của chị N, anh T các bên thỏa thuận khi nào chị L lại sử dụng đất thì đo đạc sau, giá bằng 90.000.000 đồng, không có làm hợp đồng mua bán, chị L giao tiền mua đất cho chị N bằng 02 lần cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 21/10/2019 DL bằng 30.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 30/10/2019 DL bằng 60.000.000 đồng.

Hai lần giao tiền không có làm giấy tờ, chỉ có lần thứ hai có chị Nguyễn Thị T1 chứng kiến, giao tiền đều ở nhà chị N.

Khi chị L định đến cất nhà ở thì chị L có đốn 07 cây dừa trên đất, lúc đốn dừa đều có sự đồng ý của chị N và anh T. Qua yêu cầu phản tố của chị N thì các bên thống nhất thỏa thuận giá 07 cây dừa bằng 10.000.000 đồng, chị L đồng ý cấn trừ vào tiền mua bán đất trước đây.

Chị N cho rằng vào ngày 22/12/2019 âm lịch chị L có nhận tiền chị N trả bằng 60.000.000 đồng là không có, vì ngày này là cha mẹ chị L bệnh đều phải nhập viện ở bệnh viện Trà Vinh, cha thì nằm ở bệnh viện phổi, còn mẹ thì nằm ở bệnh viện chạy thận chỉ có một mình chị L ở bệnh viện chăm sóc cho 02 người, nên chị L không có về ấp M để nhận tiền của chị N trả, đến ngày 29 tết mẹ chị L xuất viện rồi mọi người mới về quê luôn.

Tại phiên tòa hôm nay chị N thay đổi lại ngày trả tiền cho chị L là ngày 22/12/2019 dương lịch và chị L cũng không thừa nhận có nhận tiền của chị N.

Nay chị L thay đổi chỉ yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T cùng có trách nhiệm trả cho chị L bằng 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do chị L và chị N mua bán đất không thành, giữa các bên cũng không có lập hợp đồng chuyển nhượng, nên không yêu cầu giải quyết về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hậu quả của hợp đồng.

Nguyên đơn thống nhất ý kiến và yêu cầu của luật sư không bổ sung thêm.

Tại đơn phản tố, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Trong năm 2019 (chị không nhớ ngày, tháng) chị và chị L (chị L là em chồng của chị) có thỏa thuận chị bán cho chị L diện tích 01 liếp đất chưa đo đạc nên không biết cụ thể diện tích bằng bao nhiêu mét vuông, đất cặp bên nhà chị, lúc bán đất chị có nói quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng qua tết chị trả tiền rồi lấy quyền sử dụng đất về tách thửa cho chị L, giá bằng 90.000.000 đồng, không có làm hợp đồng mua bán đất và cũng không có làm giấy tờ gì thể hiện chị và chị L mua bán đất với nhau. Chị L giao tiền cho chị nhận bằng 02 lần cụ thể lần 1 bằng 30.000.000 đồng, lần 02 bằng 60.000.000 đồng, không nhớ ngày, tháng, năm nhận tiền. Khoảng một tháng sau chị L lên có đốn 07 dừa để cất nhà ở (lúc bán đất dừa có trên đất tính luôn), lúc này chị L có nhờ chị hỏi mua vật tư giùm để chị L cất nhà chị không lãnh nên chị L bắt chị phải làm hợp đồng tách thửa liền để chị L đi vay tiền về cất nhà. Do quyền sử dụng đất chưa lấy về kịp nên chị L đòi tiền mua đất lại, chị L bắt chị trong vòng 02 ngày phải

trả đủ tiền lại cho chị L bằng 90.000.000 đồng, không có tiền trả nên chị hỏi mượn của chị T1, anh S bằng 60.000.000 đồng để trả lại cho chị L.

Ngày chị mượn tiền của chị T1, anh S là ngày 22/12/2019 dương lịch, lúc này chị đang phụ xúc cát trên nhà chị T1, chị L điện thoại cho chị T1 xin gặp chị (điện thoại chị để ở nhà), nội dung cuộc nói chuyện là chị L kêu chị trả tiền mua bán đất lại, chị quay qua nói cho chị T1 nghe, rồi chị T1 vô nhà nói anh S nghe và anh S kêu chị T1 lấy tiền cho chị mượn, lúc đổ cát người ta có đưa miếng giấy cho chị T1 trong giấy có ghi ngày nên chị và chị T1 nhìn vô miếng giấy thấy ngày 22/12/2019 nên tưởng là ngày âm lịch, chị T1 chở chị về nhà chị, lúc này chị L vừa lại tới để nhận tiền, chị đưa tiền cho chị L bằng 60.000.000 đồng và nói còn lại 30.000.000 đồng trừ 07 cây dừa, chị L không chịu hai người cự cãi qua lại bà Dương Thị C nhà kế bên qua chứng kiến, rồi chị L cầm 60.000.000 đồng đi về. Nay chị xác định lại ngày trả tiền cho chị L bằng 60.000.000 đồng là ngày 22/12/2019 dương lịch.

Tại đơn phản tố chị N yêu cầu chị L trả giá trị 07 cây dừa bằng 30.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết, chị và chị L thống nhất giá 07 cây dừa bằng 10.000.000 đồng nên chị thay đổi nội dung phản tố và đồng ý cấn trừ vào tiền mua bán đất ban đầu với chị L, hiện nay chị còn thiếu chị L bằng 20.000.000 đồng và đồng ý trả. Còn 60.000.000 đồng chị trả rồi nên không đồng ý trả tiếp.

Việc mua bán đất giữa chị và chị L không có làm hợp đồng và cũng không có giấy tờ gì chứng minh, nên thống nhất không có giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh Bùi Văn T trình bày:

Anh là chồng của chị N là anh ruột của chị L, trong năm 2019 chị N và chị L có thỏa thuận mua bán đất với giá 90.000.000 đồng, do chưa làm giấy tờ kịp vì bằng khoán đất đang thế chấp tại Ngân hàng, số tiền mua bán chị N đã trả lại cho chị L bằng 60.000.000 đồng vào ngày 22/12/2019 dương lịch, hiện tại anh và chị N còn nợ chị L bằng 20.000.000 đồng anh thống nhất cùng chị N trả cho chị L, còn 60.000.000 đồng trả rồi, không trả tiếp. Qua ý kiến trình bày của chị N anh thống nhất, không trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L có cung cấp cho Tòa án: 01 chứng minh nhân dân tên Bùi Thị L (bản photo); 01 Sổ hộ khẩu (bản photo); 01 biên bản hòa giải ấp ngày 06-3-2020 (bản chính); 01 đơn yêu cầu của chị L ngày 24/12/2019 (bản chính); 02 biên bản tiếp xúc hộ gia đình ngày 31/12/2019; Bị đơn cung cấp 01 giấy chứng minh nhân dân tên N, 01 hợp đồng vay tiền của chị T1 tại Ngân hàng, 01 miếng giấy ghi ngày 22/12/2019 (27/11/2019).

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tóm tắt nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L buộc anh T, chị N trả cho chị L bằng 80.000.000 đồng, do chị L không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xem xét.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Chị Bùi Thị L, chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T thống nhất giá mua bán đất ban đầu bằng 90.000.000 đồng, chị N là người nhận tiền của chị L.

Chị Bùi Thị L, chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T thống nhất giá 07 cây dừa đã đốn bằng 10.000.000 đồng và đồng ý cấn trừ vào tiền mua bán đất ban đầu.

Chị Bùi Thị L và chị Nguyễn Thị Kiều N thống nhất không yêu cầu giải quyết về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Chị Bùi Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T cùng có trách nhiệm trả cho chị L bằng 80.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T thống nhất trả cho chị L bằng 20.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng trả rồi không đồng ý trả tiếp.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L.

Buộc chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T cùng có trách nhiệm hoàn trả cho chị Bùi Thị L bằng 80.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L, chị N và anh T giá 07 cây dừa bằng 10.000.000 đồng.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Chị Bùi Thị L, chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T cùng thống nhất thỏa thuận: Việc mua bán đất giữa chị L và chị N không có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cũng không có giấy tờ gì chứng minh, nên thống nhất không có yêu cầu giải quyết về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[2] V*ề nội dung*:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L, chị N và anh T có lời khai thống nhất chị N có nhận của chị L bằng 90.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất ban đầu, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với 07 cây dừa đã đốn chị L, chị N và anh T thống nhất giá bằng 10.000.000 đồng và thống nhất cấn trừ vào số tiền mua bán đất của chị L và chị N. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa chị L vẫn yêu cầu chị N và anh T hoàn trả số tiền bằng 80.000.000 đồng; Chị N, anh T chỉ thừa nhận còn nợ chị L bằng 20.000.000 đồng và đồng ý trả, còn số tiền 60.000.000 đồng anh, chị đã trả cho chị L nhận vào ngày 22/12/2019 dương lịch có chị Nguyễn Thị T1 và chị Dương Thị C chứng kiến nên không đồng ý trả tiếp; Chị L không thừa nhận có nhận số tiền của chị N trả bằng 60.000.000 đồng vào ngày 22/12/2019 dương lịch như chị N trình bày.

[4] Tại phiên tòa chị T1 khai ngày chị cho chị N mượn tiền trả cho chị L là ngày 22/12/2019 dương lịch, buổi sáng chị N đang ở nhà chị phụ xúc cát, chị L điện thoại cho chị xin gặp chị N (điện thoại chị N bỏ ở nhà), chị đưa điện thoại cho chị N nói chuyện, rồi chị N nói lại là chị L đòi tiền bán đất, chị vô nói cho anh S nghe chị L đòi tiền chị N mà chị N không có tiền trả nên anh S kêu chị lấy tiền đưa cho chị N mượn trả, sẵn nhà chị mới vay tiền ở Ngân hàng quân đội về cất nhà nên cho chị N mượn đỡ, chị L điện thoại cho chi xin gặp chị N lúc này gần 11 giờ ngày 22/12/2019 dương lịch, vì ngày này người ta chở cát cho chị và có đưa cho chị miếng giấy ghi số lượng cát, trên giấy ghi ngày 22/12/2019 nên chị nhìn ngày theo miếng giấy này (miếng giấy này có cung cấp cho Tòa án), chị là người chở chị N về nhà chị N, lúc này thì chị L cũng vừa lại tới để lấy tiền, thời gian là hơn 11 giờ ngày 22/12/2019 dương lịch tại nhà chị N chị đưa tiền cho chị N 60.000.000 đồng, mệnh giá mỗi tờ là 200.000 đồng, thành 03 cọc tiền rồi chị N đưa qua cho chị L, không có làm giấy tờ, chị N còn nói trả 60.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng trừ 07 cây dừa, chị L không đồng ý trừ 07 cây dừa bằng 30.000.000 đồng, nên hai người cự cãi có bà Dương Thị C kế bên qua nghe chứng kiến, rồi chị L cầm tiền đi về. Chị T1 thừa nhận chị có tham gia tiếp xúc tại nhà chị N vào ngày 31/12/2019 cùng với chị N, anh T và chị Chấm và chị cũng có tham gia hòa giải vào ngày 06/3/2020 tại ấp, tại phiên tòa chị trình bày lúc hòa giải ấp chị cũng nói ngày chị N trả tiền cho chị L là ngày 22/12/2019, chứ không phải ngày 21/12/2019, sau khi hòa giải xong ấp có đọc biên bản và chị có ký tên vào. Nay chị xin xác nhận lại ngày chị cho chị N mượn tiền và ngày chị N trả tiền cho chị L là ngày 22/12/2019 dương lịch, còn số điện thoại chị L điện cho chị vào ngày 22/12/2019 chị không có lưu nên không xác định được là số mấy. Còn số tiền chị cho chị N mượn không yêu cầu giải quyết chung vụ kiện này.

[5] Xét thấy, tại biên bản đối chất của Tòa án ngày 02/7/2020 chị T1 khai ngày chị N trả tiền cho chị L là ngày 22/12/2019 âm lịch đến ngày 27/8/2020 Tòa án tiến hành xác minh thì chị khai ngày chị N trả tiền cho chị L là ngày 22/12/2019 dương lịch chị nhìn ngày theo miếng giấy người ta đổ cát đưa cho chị. Qua biên bản xác minh thành viên tổ hòa giải ấp, lúc hòa giải chị L vẫn giữ yêu cầu chị N trả bằng 90.000.000 đồng, chị N trình bày có bán đất cho chị L bằng 90.000.000 đồng, trả 60.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng trừ 07 cây dừa, chị N không có nói ngày, tháng, năm trả tiền, còn ngày chị N trả tiền cho chị L được ghi trong biên bản lúc 11h ngày 21/12/2019 âl, mệnh giá tờ tiền 200.000 đồng, thành 03 cọc tiền là do chị T1 trình bày, sau khi hòa giải thành viên tổ hòa giải có đọc lại biên bản cho mọi người cùng nghe và cùng thống nhất ký tên. Còn chị Dương Thị C khai chị không nhớ ngày, tháng, năm chị N trả tiền cho chị L, chị nhớ là trong tết nguyên đán, lúc đó khoảng 11 giờ trưa, trời nắng, chị đang ở nhà có nghe tiếng cự cãi bên nhà chị N, chị đi qua thì thấy chị N, chị L và chị T1 đang đứng ngoài hàng ba giữa chị, chị N, chị T1 với chị L đứng cách nhau khoảng 01 mét, chị nghe hai người cự cãi cũng nhắc đến bán đất và tiền dừa tính cấn trừ, chị thấy chị L cầm 03 cọc tiền trên tay bên ngoài thấy tờ tiền mệnh giá là 200.000 đồng, còn bên trong loại tiền mệnh giá bao nhiêu thì chị không biết, chị không thấy chị N đưa tiền cho chị L, lúc này chị N, chị L cũng cự cãi về 07 cây dừa chị N tính 30.000.000 đồng, chị L không đồng ý rồi bỏ đi về. Xét thấy lời khai của chị T1 là mâu thuẫn không trùng khớp về thời gian cho nên lời khai này của chị T1 không đáng tin cậy.

[4] Chị N khai giữa chị và chị L có mua bán diện tích đất cặp ranh nhà chị giá bằng 90.000.000 đồng, chị L đã giao đủ số tiền cho chị nhận không có làm giấy tờ, trong thời gian mua bán do hai người cự cãi về làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nên chị và chị L không tiếp tục mua bán đất nữa mà chị L yêu cầu chị trả lại 90.000.000 đồng trong vòng 02 ngày. Do không có tiền trả nên chị có hỏi mượn tiền của chị Nguyễn Thị T1 và anh Bùi Văn S bằng 60.000.000 đồng để trả lại cho chị L, lúc này chị T1 mới vay tiền ở Ngân hàng Quân đội về cất nhà nên sẵn cho chị mượn đỡ. Ngày chị mượn tiền và trả tiền cho chị L là ngày 22/12/2019 dương lịch, vì ngày này chị đang phụ xúc cát trên nhà chị T1, chị L điện thoại cho chị T1 xin gặp chị để đòi tiền do điện thoại chị bỏ ở nhà, khi nghe điện thoại chị có nói lại cho chị T1 nghe là chị L đòi tiền mua đất lại, chị T1 vô nhà nói với anh S rồi anh S kêu chị T1 lấy tiền cho chị mượn để trả cho chị L, lúc đổ cát người ta có đưa cho chị T1 miếng giấy ghi ngày 22/12/2019 nên chị và chị T1 nhìn thấy miếng giấy đó cứ tưởng ngày đó là ngày âm lịch nên nói ngày trả tiền cho chị L là ngày âm lịch, nay chị xác định lại ngày chị trả tiền cho chị L bằng 60.000.000 đồng là ngày 22/12/2019 dương lịch. Còn số điện thoại chị L điện vô số máy chị T1 là số mấy chị không biết, lúc nghe điện thoại chị không có nhìn số, nên không xác định được và chị cũng không yêu cầu Tòa án trích xuất cuộc nói chuyện giữa chị và chị L vào ngày 22/12/2019.

[6] Đối với chị N từ khi Tòa án thụ lý chị đều khai ngày trả tiền cho chị L là ngày 22/12/2019 âm lịch, đến ngày 27/8/2020 Tòa án ghi lời khai cũng như

tại phiên tòa chị khai ngày trả tiền cho chị L là ngày 22/12/2019 dương lịch giống như lời khai của chị T1. Xét thấy, tại biên bản tiếp xúc ngày 31/12/2019 của thành viên ấp Ngãi Hòa tại nhà chị thì chị khai ngày trả tiền cho chị L là ngày 21/12/2019, còn tại biên bản hòa giải ấp thì ngày trả tiền cho chị L ngày 21/12/2019 âm lịch là do chị T1 khai, tại phiên tòa chị và chị T1 cùng khai khi hai người nhìn thấy miếng giấy ghi ngày 22/12/2019 (bút lục số 98) nhưng không biết ngày này là ngày âm lịch hay ngày dương lịch. Xét thấy miếng giấy chị N, chị T1 cung cấp cho Tòa có ghi cụ thể ngày 22/12/2019 phía dưới là ngày 27/11/2019 tức là ngày âm lịch, chứ không có thể hiện 01 ngày cụ thể như chị và chị T1 trình bày và tại đơn phản tố ngày 07/7/2020 chị khai ngày trả tiền cho chị L là ngày 22/12/2019 âm lịch (ngày 16/01/2020 dương lịch) đều này chứng tỏ chị nhận biết được ngày nào là ngày âm lịch và ngày nào là ngày dương lịch, cho nên lời khai của chị N là mâu thuẫn, ngoài ra thì chị không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời khai của chị là có căn cứ. Vì vậy chị N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Bùi Thị L không phải chịu án phí.

[8]. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 93, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng điều 166 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị L.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T trả cho chị Bùi Thị L bằng 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002472, ngày 07-7-2020, chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Bùi Văn T còn phải nộp tiếp 3.250.000 đồng.

Chị Bùi Thị L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007732, ngày 18-5-2020 và số tiền tạm úng án phí đã nộp 1.950.000 đồng theo biên lai thu số 0007770 ngày 02-6-2020 cho chị Bùi Thị L.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm